TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 28/08/2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM SƠN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Trần Văn Nghi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị N, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 115/2019/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc " Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; ĐKHKTT và cư trú tại: xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Lã Thị L, sinh năm 1986, ĐKHKTT tại: xóm 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: Xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Văn H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày: Anh và chị Lã Thị L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Y, huyện K, là quê của chị L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 6, xã Đ. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau nên thường xảy ra cãi chửi nhau; mặc dù hai bên đã tìm mọi cách khắc phục nhưng không có kết quả. Cuối năm 2003 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 3 xã Y sống ly thân với anh; suốt thời gian ly thân anh đã tìm mọi cách nhưng không về chung sống cùng nhau được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy

anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho anh được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống.

Về con chung và tài sản chung: anh xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên anh H có đơn xin xét xử vắng mặt xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn chị Lã Thị L trong bản tự khai ngày 01/08/2019 trình bày: Chị xác nhận điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như anh H trình bày, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ 2004 nên tình cảm không còn; Nay anh H yêu cầu ly hôn; chị nhất trí ly hôn do công việc làm ăn thường xuyên đi xa chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vắng mặt chị.

Về con chung và tài sản: chị cũng xác định vợ chồng không có con chung, tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về nội dung : đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Lã Thị L. Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với chị Lã Thị L hiện cư trú tại xóm 3, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Trần Văn H và chị Lã Thị L được Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt họ; căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh H thì thấy rằng: chị L và anh H đều xác nhận họ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Y, là quê của chị L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 6, xã Đ là quê của anh H. Vợ chồng chỉ chung sống được thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai bên đều xác định do tính tình không hợp; mặc dù đôi bên đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 3, xã Y từ cuối năm 2003; đôi bên ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai.

[3]Xác minh tình trạng hôn nhân của anh H và chị L tại UBND xã Đ là nơi anh chị chung sống trước đây thì chính quyền địa phương cung cấp vợ chồng anh H và chị L trong thời gian chung sống tại địa phương vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên xô sát, đánh cãi chửi nhau; cuối năm 2003 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm 3, xã Y sinh sống, từ đó đến nay anh chị không còn chung sống với nhau nữa.

[4] Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh H giải quyết ly hôn với chị L là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về quan hệ con chung và tài sản chung : Chị L và anh H đều xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó về vấn đề này Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa anh Trần Văn H với chị Lã Thị L.

2/ Về án phí: anh Trần Văn H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3066 ngày 25/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh